

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2021/DS-ST

Ngày: 23-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khúc Mạnh Toàn

2. Ông Trần Thiện Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST-DS ngày 27/4/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Ngọc Đ và bà Nguyễn Kim C có mối quan hệ quen biết do nhà ở gần nhau. Ngày 08/11/2016, bà Đ cho bà C vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Khi vay tiền thì bà C có viết Giấy mượn tiền và có ký tên xác nhận. Quá trình vay tiền từ năm 2016 đến năm 2017, bà C không trả nợ gốc và lãi mà tiếp tục vay tiền bà Đ

nhieu lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà C đã vay bà Đ là 20.000.000 đồng. Việc vay tiền những lần sau thì hai bên không có làm giấy tờ gì. Tính đến năm 2018, bà C chỉ trả cho bà Đ số tiền lãi là 1.000.000 đồng và không chịu hoàn trả nợ gốc cho bà Đ mặc dù bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền. Do đó, ngày 15/9/2018, bà Đ có làm đơn yêu cầu Ban điều hành khu phố T giải quyết việc bà C không trả tiền cho bà Đ. Ban điều hành khu phố T chuyển đơn của bà Đ đến Công an phường T thì phía Công an đã mời hai bên lên để làm việc nhưng bà C không chịu trả, phía công an cho rằng giữa hai bên là giao dịch dân sự nên hướng dẫn bà Đ khởi kiện tại Tòa án.

Vì vậy, bà Lê Ngọc Đ khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Kim C hoàn trả số tiền đã vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2018 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi là 2%/tháng với số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 25.000.000 đồng.

- *Bị đơn trình bày:*

Khoảng tháng 4/2018 (tháng 4 âm lịch), bà Nguyễn Kim C có vay của bà Lê Ngọc Đ nhiều lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Bà C có ký giấy mượn tiền xác nhận có mượn của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền. Sau khi mượn tiền, mỗi tháng bà C trả cho bà Đ số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền lãi cho bà Đ trong thời gian 01 năm thì không có khả năng trả nữa, khi trả lãi thì không có làm giấy tờ. Khi bà C ngừng trả tiền lãi cho bà Đ thì bà Đ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà C phải trả số tiền 20.000.000 đồng. Bà C xác định Giấy mượn tiền đề ngày 08/11/2016 do bà Đ viết, chữ ký tại phần “người mượn tiền” là của bà C. Bà Chung xác định vay tiền của bà Đ năm 2018 chứ không phải năm 2016.

Bà C xác định chỉ vay bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của bà Đ thì bà C chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Kim C vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim C thanh toán tiền vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.000.000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Kim C có nơi cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Kim C đã được triệu tập theo đúng quy định nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền vay: Bà Lê Ngọc Đ căn cứ vào Giấy mượn tiền ghi ngày 08/11/2016 để khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim C hoàn trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng. Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 08/11/2016 thể hiện: Bà Nguyễn Kim C có vay của bà Lê Ngọc Đ số tiền 10.000.000 đồng. Bị đơn bà C cũng thừa nhận có vay của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng theo giấy vay tiền và đồng ý thanh toán cho bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Bà Đ yêu cầu bà C trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định bà C có vay của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, bà Đ đã yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không thực hiện. Do đó, việc bà Đ khởi kiện yêu cầu bà C trả nợ là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng tính từ tháng 12/2018 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi là 2%/tháng với số tiền là 5.000.000 đồng. Bị đơn bà C cho rằng đã trả tiền lãi cho bà Đ với lãi suất 5%/tháng trong thời gian 01 năm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà Đ cũng không thừa nhận. Xét hợp đồng vay giữa hai bên được xác lập và thực hiện trước ngày 01/01/2017, lãi suất các bên thỏa thuận 5%/tháng là không đúng quy định pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết (Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015). Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01 (Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng) và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước công bố lãi suất cơ bản là 9%/năm (tương ứng 0,75%/tháng), theo đó thì các đương sự chỉ được thỏa thuận mức lãi suất cho vay tối đa là 1,125%/tháng. Do đó, lãi suất cho vay giữa bà Đ và bà C sẽ được điều chỉnh lại bằng mức lãi suất

1,125%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ. Như vậy, tính từ tháng 12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/12/2021) thì số tiền lãi bà C phải thanh toán là: 10.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 năm 23 ngày = 4.136.000 đồng.

Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tổng số tiền bà Nguyễn Kim C phải thanh toán cho bà Lê Ngọc Đ là: 10.000.000 đồng + 4.136.000 đồng = 14.136.000 đồng.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Lê Ngọc Đ là người cao tuổi, người có công với cách mạng thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Bị đơn bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 14.050.000 đồng, với số tiền án phí là: 14.136.000 đồng x 5% = 706.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 2, 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Kim C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Nguyễn Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Ngọc Đ số tiền 14.136.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 4.136.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Kim C về việc thanh toán số tiền 10.864.000 đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim C phải chịu số tiền 706.800 đồng (bảy trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng). Bà Lê Ngọc Đ được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CC THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung